

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với những nội dung cụ thể sau:

1. Thời gian: 9 giờ 00, ngày 05 tháng 05 năm 2022

2. Địa điểm: Trung tâm Hội nghị 272

272 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Nội dung Đại hội:

Chương trình Đại hội và tài liệu Đại hội được đăng tải trên website Công ty: www.minghuulien.com.vn

Điều kiện tham dự:

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách chốt ngày 08/04/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

4. Đăng ký tham dự:

Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, trong trường hợp ủy quyền tham dự, Quý cổ đông vui lòng gửi "**Giấy ủy quyền tham dự Đại hội**" (mẫu được gửi kèm theo Thư mời và đăng trên website công ty) về Công ty theo địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP HCM; hoặc Fax về Công ty theo số 028 62874081; hoặc scan và gửi file đính kèm về địa chỉ email "tp.hcns@minhhuulien.com.vn" trước 16h00 ngày 29/04/2022.

Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính). Trường hợp được ủy quyền, vui lòng mang theo "**Giấy ủy quyền tham dự Đại hội**" (bản chính), Thư mời họp, Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).

Quý cổ đông muốn biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Bà Cao Thị Phương - CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Số điện thoại: 0332.372.734.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên. Sự hiện diện của Quý Cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Trân trọng.

Đính kèm:

Giấy ủy quyền tham dự Đại hội.

Chương trình Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN TUẤN MINH

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN



Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình
09h00 : 09h30	Đón tiếp Đại biểu, quý cổ đông
09h30 : 09h35	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
09h35 : 09h40	Báo cáo Kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
09h40 : 09h45	Thông qua Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
09h45 : 09h50	Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban kiểm phiếu
	Thông qua Chương trình Đại hội
09h50 : 10h50	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2021 và kế hoạch năm 2022
	Báo cáo của Ban Giám đốc tổng kết thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022
	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022
	Tờ trình về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022
	Tờ trình về Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022
	Tờ trình về Lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán năm tài chính 2022
	Tờ trình phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Minh Hữu Liên
	Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Minh Hữu Liên
	Tờ trình về báo cáo miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020 – 2024
	Tờ trình thay đổi địa điểm trụ sở chính
10h50 : 11h20	Thảo luận và biểu quyết
11h20 : 11h40	Nghỉ giải lao và tiệc trà
11h40 : 12h00	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
	Tuyên bố bế mạc Đại hội

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, tôi xin báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tình hình Kinh tế - xã hội nước ta trong năm 2021 đã diễn ra không khả quan do đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 dẫn đến việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội. Theo Tổng cục Thống kê thì GDP năm 2021 chỉ tăng 2,58%. Bên cạnh đó, Kinh tế Xã hội của Việt Nam còn đối diện với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng và nguồn lao động, thời tiết diễn biến phức tạp do bão lũ ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp; nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thuận lợi về thị trường và giá xuất khẩu; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Thị trường thép toàn cầu cũng đã trải qua những thay đổi khi Trung Quốc điều chỉnh các yêu cầu đối với nguyên liệu thô, đồng thời thực hiện các bước cắt giảm sản lượng trong khi các nhà sản xuất thép phải đối mặt với chi phí sản xuất cao hơn. Giá nguyên liệu thép liên tục điều chỉnh tăng kể từ cuối năm 2020. Tuy nhiên giá bán của các doanh nghiệp

sản xuất hiện đang cạnh tranh rất khốc liệt, ngoài ra không loại trừ khả năng giá thép có thể sẽ còn tiếp tục biến động kéo dài trong năm 2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau

- Năm 2021 là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty nói riêng do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng xảy ra ở hầu hết các quốc gia dẫn đến tiến độ xuất/nhập hàng hóa bị đình trệ hoặc dòi ngày xuất hàng nghiêm trọng. Bên cạnh đó việc thực hiện giãn cách xã hội trong thời điểm sau khi tăng đột biến giá thép dẫn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận không đạt theo kế hoạch đã đề ra.
- Tuy có rất nhiều khó khăn nhưng công ty đã thực hiện các biện pháp duy trì sản xuất để giảm mức thiệt hại thấp nhất cho khách hàng trong giai đoạn dịch như thực hiện sản xuất 3 tại chỗ, cố gắng duy trì hoạt động trong tình hình từ chi phí NVL, chi phí dịch vụ lẫn chi phí vận hành đều tăng cao.
- Riêng đối với ngành thép không gỉ, thị trường vẫn chứng kiến nhiều bất cập trong chính sách như thuế chống bán phá giá đối với nguyên liệu nhập từ Trung Quốc là 25,35% trong khi thuế nhập khẩu ống thép không gỉ từ Trung Quốc là 0%, thêm vào đó, tình hình giãn cách xã hội kéo dài đã khiến nhu cầu ống thép không gỉ giảm nghiêm trọng ảnh hưởng đến doanh số của ngành hàng ống Inox. Trong bối cảnh kinh tế năm 2021, Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã theo dõi và kiểm soát sản lượng nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu doanh số mà ĐHCĐ đã thông qua:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện 2021/ KH 2021
1	Doanh thu thuần	400 tỷ	330.95 tỷ	82.74 %
2	Lợi nhuận sau thuế	5 tỷ	(20.7) tỷ	

Năm 2021 Doanh thu công ty thực hiện không đạt chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận như kế hoạch. Nguyên nhân chính là doanh số bán ra sụt giảm nghiêm trọng trong suốt thời gian giãn cách xã hội kéo dài.

Ngoài ra chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng hơn so với năm trước cũng một phần ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2021 không đạt như mong đợi.

2. Nhận xét, đánh giá

Tuy Công ty chưa đạt được kết quả lợi nhuận như kế hoạch nhưng nhìn chung Công ty đã triển khai một số giải pháp nhằm cắt giảm chi phí vận hành trong thời gian dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nặng nề nhất cho nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc duy trì ngày công làm việc cho công nhân sản xuất là một nỗ lực rất lớn của toàn thể ban lãnh đạo của Công ty.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Nhận định về thị trường ống thép không gỉ trong năm 2022, với doanh số kế hoạch khoảng 300 tỷ trong khi áp lực cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt ở khu vực Đông Nam Á, khi các nhà máy thép dự kiến sẽ tăng công suất sau thời gian dài giãn cách xã hội vì dịch Covid-19. Để duy trì được thế cạnh tranh về giá, doanh nghiệp chấp nhận việc giảm bớt biên lợi nhuận và mở rộng thêm mảng kinh doanh thương mại thép với doanh số khoảng 300 tỷ nữa. Đây được xem là biện pháp nhằm vừa gia tăng thêm lợi nhuận vừa mở rộng được thêm mảng kinh doanh thương mại.

Tuy vậy, yếu tố cơ hội và rủi ro cùng song hành do sự mất cân bằng cung cầu từ Trung Quốc và sự mở rộng sản xuất trong khu vực mà năm 2022 là một năm phải chú trọng vào quản lý rủi ro. Với phương châm là phát triển bền vững, trong năm tài chính 2022 Công ty tiếp tục chú trọng lĩnh vực sản xuất hàng hoá và mở rộng thương mại, xuất khẩu nhằm mang lại nguồn ngoại tệ cân đối với nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu giảm rủi ro biến động tỷ giá.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
1	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>600 tỷ</i>
2	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>30 tỷ</i>

3. Các biện pháp để thực hiện kế hoạch đề ra

- Đối với ngành hàng Inox: Duy trì ổn định doanh số trong nước và thúc đẩy đưa sản phẩm mới ra thị trường, tăng công suất cho các chủng loại sản phẩm có lợi thế cao thông qua kênh phân phối hiện có, mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng mới như thép cuộn, thép xây dựng.
- Lên kế hoạch tài chính hợp lý nhằm đảm bảo nhu cầu dòng tiền cho việc ổn định sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính.
- Theo dõi sát sao tình hình biến động tỷ giá và tình hình cước vận chuyển quốc tế để dự phòng cho các đơn hàng nhập khẩu và giảm sức ép thanh toán.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Công ty cổ phần Minh Hữu Liên.

Kính báo cáo Quý cổ đông.

TỔNG GIÁM ĐỐC

KHUU CHÍ CƯỜNG

CTCP MINH HỮU LIÊN

Số: 05052022/BC/BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Chương X điều 36 và điều 37 trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/01/2021.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên sau khi đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán và xác nhận.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2022, cụ thể như sau:

I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC GIAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021

a. Nhân sự của Ban kiểm soát

- Năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty hoạt động với số lượng thành viên gồm 03 người:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân Trưởng ban

Bà Hồ Thị Huỳnh Giao Thành viên

Ông Huỳnh Trung Hiếu Thành viên

- Dựa trên cơ sở các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên chuyên trách những nội dung phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn nên đã thực hiện tốt trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty.

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện trong hạn mức đúng quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua. Cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH (VND)	THỰC HIỆN (VND)
Thù lao Ban Kiểm Soát	186.000.000	133.500.000

b. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2021

Trong năm Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp để triển khai công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Các cuộc họp đã bàn và thống nhất các nội dung sau:

- Thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính quý, năm của Công ty. Xem xét, đánh giá các hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty và công tác chuẩn bị tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Đánh giá việc tuân thủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị cũng như việc chấp hành quy định của Nhà nước trong năm 2021.
- Ban Kiểm soát cũng tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số cuộc họp của Ban Điều hành để nắm bắt chi tiết công việc và có ý kiến đóng góp kịp thời với hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

c. Hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2021.
- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2021.
- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập, kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2021 để đảm bảo các Báo cáo tài chính được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán đến Báo cáo tài chính (nếu có) và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Kiểm tra, giám sát công tác kế toán, tình hình tài chính, đầu tư và các hoạt động kinh doanh của Công ty theo các kế hoạch, mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.
- Kiểm tra rà soát các quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành.
- Thẩm định lại báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021

- Năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty. Hội đồng Quản trị đã tập trung vào các mục tiêu chương trình mà Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua, từ đó Hội đồng Quản trị đã có các Nghị quyết kịp thời đúng hướng, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát mục tiêu, điều hành linh hoạt, tăng cường công tác quản lý, nắm bắt diễn biến thị trường, xử lý những tồn tại trong hoạt động của Công ty.
- Hầu hết các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã được triển khai. Tuy nhiên, riêng nội dung phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ để tăng vốn hoạt động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2021 vẫn chưa triển khai được phương án phát hành đã thông qua. Ban Kiểm soát thống nhất và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 mà Hội đồng Quản trị đã báo cáo.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2021

a. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị trong năm 2021 là phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, các quy định pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp và ban hành 04 Nghị quyết Hội đồng Quản trị để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và quản lý các hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với số thành viên tham dự cụ thể như sau:

Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
Ông Trần Tuấn Minh	4/4	100%	
Ông Lê Tấn Quốc	4/4	100%	
Ông Nguyễn Quang Hải	4/4	100%	
Ông Phạm Vĩnh Đức	2/4	50%	Không nêu rõ lý do
Ông Võ Quốc Toàn	1/4	25%	Không nêu rõ lý do

- Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành, Ban kiểm soát của Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b. Đánh giá công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định pháp luật có liên quan.

- Trong năm, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty.
- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2021

a. Giám sát về thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính do Công ty lập cùng với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:
 - + Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.
 - + Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty như sau: *“Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”*.

b. Giám sát về số liệu và kết quả kinh doanh năm 2021 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/09/2021)

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	TH 2021/ KH 2021
1.	Doanh thu thuần	400,00 tỷ	330,95 tỷ	82,74%
2.	Lợi nhuận sau thuế 2020	5,00 tỷ	(20,7) tỷ	(414,00)%

Năm 2021 là một năm hoạt động khó khăn của ngành thép trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên cũng không nằm ngoại lệ do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp dẫn đến việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất cũng như doanh số bán hàng. Ngoài ra, thị trường sắt thép cạnh tranh gay gắt do giá nguyên liệu thép liên tục

điều chỉnh tăng kể từ cuối năm 2020. Trong bối cảnh có rất nhiều khó khăn này, công ty đã thực hiện các biện pháp duy trì sản xuất để giảm mức thiệt hại thấp nhất cho khách hàng trong giai đoạn dịch như thực hiện sản xuất 3 tại chỗ, cố gắng duy trì hoạt động trong tình hình từ chi phí NVL, chi phí dịch vụ lẫn chi phí vận hành đều tăng cao. Kết quả là, Doanh thu chỉ đạt 83% so với kế hoạch nhưng do chi phí sản xuất, vận hành không giảm tương ứng nên Lợi nhuận sau thuế âm 20,7 tỷ đồng.

c. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	30/09/2021	30/09/2020
I/	Cơ cấu tài sản	%		
1	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		71,22%	68,92%
2	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		28,78%	31,08%
II/	Cơ cấu nguồn vốn	%		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		83,87%	73,97%
2	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		16,13%	26,03%
III/	Chỉ số khả năng thanh toán	Lần		
1	Khả năng thanh toán nhanh		0,96	1,10
2	Khả năng thanh toán hiện hành		0,30	0,43
IV/	Tỷ suất lợi nhuận	%		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		-8,68%	0,34%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-6,25%	0,18%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		-56,20%	1,30%

Các chỉ số đánh giá mức độ lành mạnh về tài chính của Công ty năm 2021 giảm so với năm 2020 đặc biệt là các tỷ số về lợi nhuận. Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn vẫn ở mức tương đối cao, chỉ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành vẫn nằm ở mức thấp.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

6. Kết luận và khuyến nghị

a. Kết luận

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tổng kết thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính vào ngày 30/09/2021.

b. Khuyến nghị

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, Ban Kiểm soát kính đề nghị lãnh đạo Công ty:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty.
- Lập kế hoạch về dòng tiền trong năm 2022 để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hiệu quả và đáp ứng đúng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với yêu cầu mới tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Năm 2022 Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty và đưa ra cảnh báo các vấn đề rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty góp phần vào sự phát triển của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi cho người lao động.
- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các quy chế, nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng quản trị.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Giám sát việc thực thi và soát xét các nội dung công bố thông tin của Công ty, đảm bảo tính kịp thời, minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Luật doanh nghiệp 2020.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN

CTCP MINH HỮU LIÊN
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022/BC-HĐQT.MHL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Như chúng ta đã biết, tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2021 đã diễn ra không khả quan do ảnh hưởng rất lớn từ đại dịch Covid 19. Việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài trong quý III/2021 đã làm gián đoạn mọi hoạt động kinh tế do các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt.

Trong bối cảnh kinh tế với nhiều biến động và ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh Covid-19 của năm 2021, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên đã không ngừng nỗ lực trong mọi mặt hoạt động để đối phó với những thách thức về doanh thu, nguồn nguyên liệu cũng như những khó khăn về tài chính. Sau đây, thay mặt HĐQT tôi xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 như sau:

Hội đồng quản trị công ty trong năm 2021 gồm 5 thành viên như sau:

1. Ông Trần Tuấn Minh - Chủ tịch
2. Ông Phạm Vĩnh Đức - Thành viên
3. Ông Lê Tấn Quốc - Thành viên
4. Ông Nguyễn Quang Hải - Thành viên
5. Ông Võ Quốc Toàn - Thành viên

Các thành viên HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tích cực phối hợp làm việc để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

- Đối mặt với những khó khăn và thách thức của năm 2021, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban Điều hành đưa ra các giải pháp nhằm vượt qua những khó khăn, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế để đưa ra các quyết định nhằm chỉ đạo định hướng kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc được hoàn thành nhiệm vụ.
- HĐQT đã chỉ đạo việc tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm, song song với việc tiết kiệm chi phí, thực hiện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của chi nhánh nhà xưởng Công ty cổ phần Minh Hữu Liên.
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp nhằm kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện của Ban điều hành về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ để giao cho Ban điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021

- Theo nghị quyết **08012021/NQ-ĐHĐCĐ/MHL**, kế hoạch chia cổ tức từ 3%-5%.
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tờ trình số 08012021-02-TT/HĐQT.MHL về việc sử dụng 6.423.643.313 đồng Quỹ đầu tư phát triển Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, cụ thể Công ty đã sử dụng: **4.423.590.016 đồng** (Bốn tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm mười sáu đồng) sử dụng vào chi phí di dời nhà máy sản xuất từ quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đến huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương và địa điểm kinh doanh dời từ quận Bình Tân đến huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Tình hình chi trả thù lao của các thành viên HĐQT trong năm 2021

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2021 là 270.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 100.000.000 đồng (10.000.000 đồng/tháng)
- Thành viên HĐQT : 170.000.000 đồng (5.500.000 đồng/người/tháng)

Do tình hình dịch Covid-19 và giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến nhiều khó khăn phát sinh trong quá trình hoạt động, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đồng thuận tạm ngưng chi trả thù lao cho HĐQT và BKS từ tháng 08/2021

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Hội đồng quản trị đã lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, đơn vị được Công ty cổ phần Minh Hữu Liên chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

5. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ:

Chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên do nhà đầu tư không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trái phiếu đúng hạn, dẫn đến hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty chưa đáp ứng điều kiện của Luật Chứng khoán.

6. Hỗ trợ công tác quản trị điều hành

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm 2021 vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý các cấp có nhiều nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên kết quả kinh doanh không được khả quan do nhiều yếu tố rủi ro của dịch bệnh. Kết quả thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị chỉ đạo như sau:

- Công tác phát triển kinh doanh:
 - Duy trì vận hành tốt các hoạt động sản xuất cốt lõi của công ty nhằm đảm bảo lượng hàng tồn kho.
 - Không ngừng củng cố và duy trì thị phần, nắm bắt kịp thời những chuyển dịch xu hướng thị trường nhằm tiếp cận đúng các nhu cầu trọng tâm của các khách hàng tiềm năng.
- Công tác sự kiện của cổ đông: Tổ chức thành công kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 quyết sách nhiều nội dung quan trọng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Mục tiêu tổng quát:

Năm 2022 được đánh giá là một năm có nhiều thay đổi khi tỷ lệ người được tiêm phòng Covid-19 trên cả nước cao, chính sách mở cửa nền kinh tế cũng như kích thích đầu tư của chính phủ sẽ tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, yếu tố rủi ro và cơ hội cùng song hành do ảnh hưởng nghiêm trọng từ đại dịch Covid-19 sẽ dẫn đến sự cạnh tranh về giá và sự mất cân đối trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhiệm vụ quan trọng của công ty trong năm 2022 là duy trì mọi hoạt

động kinh doanh và mở rộng thêm mảng kinh doanh thương mại một cách hiệu quả; tiếp tục kiểm soát rủi ro biến động giá khi cuộc khủng hoảng năng lượng trên thế giới sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp.

2. Định hướng về hoạt động kinh doanh:

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban giám đốc, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch của năm tài chính 2022, cụ thể:

- Đối với ngành hàng ống inox: Duy trì ổn định doanh số trong nước và thúc đẩy đưa sản phẩm mới ra thị trường thông qua kênh phân phối hiện có.
- Mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng thép cuộn, thép xây dựng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
1.	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>600 tỷ</i>
2.	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>30 tỷ</i>

Kính thưa quý vị cổ đông và các quý vị đại biểu:

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của HĐQT Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thay mặt cho HĐQT Công ty tôi xin trân trọng cảm ơn đến các quý vị cổ đông và các quý vị đại biểu, khách hàng đã ủng hộ Công ty trong những năm qua. Xin chúc các quý vị cổ đông và quý vị đại biểu sức khỏe, mã đáo thành công và hạnh phúc.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-01/TT-HĐQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua kết quả hoạt động kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022

Căn cứ trên thực trạng sản xuất của Công ty trong năm tài chính 2021, Hội đồng Quản Trị xin đề trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2022 xem xét đề:

- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021, báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam kèm theo báo cáo tổng kết của Ban kiểm soát
- Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm tài chính 2021 cho cổ đông hiện hữu
- Thông qua Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận năm tài chính 2022

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên như sau:

Doanh thu thuần	:	330,95 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	-20,7 tỷ đồng

2. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm tài chính 2021 cho cổ đông hiện hữu

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (đồng)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 30/09/2021, trong đó:	-19.602.588.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 30/09/2020	1.098.209.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính 2021	-20.700.798.520
Trích lập các quỹ	

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (đồng)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0
- Quỹ đầu tư phát triển	0
Chia cổ tức (*)	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 30/09/2021	-19.602.588.759

(*) Năm 2021, theo Nghị quyết số 08012021/NQ-ĐHĐCĐ/MHL ban hành ngày 08/01/2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch dự kiến chi trả cổ tức 3-5%. Tuy nhiên, do kết quả lợi nhuận âm nên không thực hiện.

3. Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận năm tài chính 2022

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Doanh thu thuần	600 tỷ
2	Lợi nhuận sau thuế	30 tỷ

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét vấn đề nêu trên và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị chủ động triển khai cụ thể các vấn đề, chủ trương đã được thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTC, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-03./TT-HDQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Trong năm tài chính 2021, dưới sự thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là một trong năm đơn vị kiểm toán – để thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 nhằm đảm bảo việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và các nguyên tắc minh bạch, công khai của các báo cáo tài chính Công ty.

Hội đồng Quản Trị xin đệ trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2022 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, lựa chọn và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng với Công ty kiểm toán độc lập có tên trong danh sách các công ty kiểm toán được thực hiện kiểm toán đối với đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị chủ động triển khai cụ thể các vấn đề, chủ trương đã được thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTC, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-06/TT-HDQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua thay đổi địa điểm Trụ sở chính

Để đạt hiệu quả kinh doanh và đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông giao, sau khi xem xét đề xuất của Ban Tổng Giám đốc về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty nhằm tiết giảm chi phí quản lý và kiện toàn bộ máy tổ chức, Hội Đồng Quản Trị công ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua việc thay đổi địa điểm Trụ sở chính của Công ty như sau:

- Chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính từ số 41-43, Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sang số 19A Thích Minh Nguyệt, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chấp thuận việc sửa đổi nội dung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp liên quan đến việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;
- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTTC, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-02/TT-HĐQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Căn cứ trên thực trạng sản xuất của Công ty trong năm tài chính 2021, Hội đồng Quản Trị xin đề trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2022 xem xét để **Thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm tài chính 2021 và kế hoạch chi năm 2022** như sau:

Trong năm tài chính 2021, Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	570.000.000	403.500.000
Chi phí hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	300.000.000	0
Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 (5% lợi nhuận sau thuế)	250.000.000	0
TỔNG CỘNG	1.120.000.000	403.500.000

Kế hoạch chi Thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm tài chính 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
Thù lao HĐQT	360.000.000 đồng
• Chủ tịch HĐQT	10.000.000 đồng/tháng
• Thành viên HĐQT	5.000.000 đồng/tháng
Thù lao BKS	150.000.000 đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
<ul style="list-style-type: none">• Trưởng BKS• Thành viên BKS	4.500.000 đồng/tháng 4.000.000 đồng/tháng
Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS	300.000.000 đồng
Tổng cộng	810.000.000 đồng

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị chủ động triển khai cụ thể các vấn đề, chủ trương đã được thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04/2022

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Minh Hữu Liên;

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Phương án phát hành

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ hiện tại	54.309.230.000 (<i>Năm mươi tư tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, hai trăm ba mươi triệu</i>) đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.430.923 cổ phần
Hình thức phát hành	Chào bán riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Tổng số cổ phiếu chào bán	Tối đa 10.000.000 cổ phần, tương đương 184% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	Tối đa 100.000.000.000 (<i>Một trăm tỷ</i>) đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau đợt chào bán	15.430.923 cổ phiếu
Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán	154.309.230.000 (<i>Một trăm năm mươi tư tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, hai trăm ba mươi triệu</i>) đồng
Mục đích chào bán	Tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phần

Tiêu chí cụ thể lựa chọn nhà đầu tư chào bán	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư được chào bán là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài thỏa mãn điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; - Có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty, có thể hỗ trợ Công ty trong quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro, phát triển các sản phẩm dịch vụ. - Có cam kết hợp tác với Công ty trong thời gian ít nhất 01 năm.
Hạn chế chuyển nhượng	01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
Thời gian dự kiến chào bán	Dự kiến trong quý II năm 2022 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo
Phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, quyết định phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty

2. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhân tiền mua cổ phiếu

Công ty thụ hưởng : Công ty cổ phần Minh Hữu Liên
Số tài khoản : 006686868
Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội – Phòng Giao dịch quận 8
Mục đích sử dụng : Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ được dùng để bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

STT	Mục đích	Số tiền (tỷ đồng)
1	Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	80

2	Chi phí vận hành quản lý sản xuất kinh doanh.	20
	TỔNG CỘNG	100

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán nêu trên và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt kết quả chào bán thực tế;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Quyết định thời điểm chào bán cổ phần, số lượng cổ phiếu chào bán, giá chào bán và các điều kiện chào bán cổ phần riêng lẻ cho các NĐT phù hợp với phương án nêu tại phần 1 và quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích tổng thể của Công ty và cổ đông;
 - Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành, tiến hành các thủ tục pháp lý;
 - Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước theo các quy định của Pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ;
 - Phê duyệt chi tiết các văn bản liên quan đến giao dịch giữa Công ty và các Nhà đầu tư;
 - Quyết định việc ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn;
 - Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành thêm theo đúng quy định trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Tiến hành các thủ tục cần thiết với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM nhằm thực hiện việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với vốn điều lệ mới theo quy định;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-04/TT-HĐQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên;

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên với các nội dung theo Phụ lục đính kèm;
2. Giao HĐQT ban hành toàn văn Điều lệ để cập nhật các nội dung sửa đổi nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày ... tháng ... năm 2022)

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH CỦA MINH HỮU LIÊN	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Định Nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 (có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2011). - "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán. - Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán. 	<p>c. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là luật số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;</p> <p>f. ” Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán</p> <p>k. “Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>l. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p>	<p>Cập nhật quy định pháp luật hiện hành. Bổ sung định nghĩa Sở Giao dịch Chứng khoán, Cổ đông sáng lập</p>
2.	Chương 2, Điều 2	<p>CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Sửa lại câu chữ</p>

3.	Điều 3		<p>Bổ sung nội dung: Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung hoặc thu hẹp các ngành nghề kinh doanh và đăng ký ngành, nghề theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Bổ sung nội dung này để Công ty có thể linh hoạt đề xuất thay đổi ngành nghề hoạt động kinh doanh</p>
4.	Khoản 2 Điều 6	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi luật dẫn chiếu</p>
5.	Khoản 4 Điều 6	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Bổ sung thêm khoản 4 trường hợp cổ phiếu bị mất, hư hỏng (Điều lệ mẫu TT116)</p>

6.	Điểm b, c Khoản 2 Điều 11	Điều 11. Quyền của cổ đông b) Nhận cổ tức c) Tự do chuyển nhượng cổ phần cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan	Điều 11. Quyền của cổ đông b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;	b) Bổ sung thêm ý để làm rõ quy định c) Bổ sung thêm dẫn chiếu cụ thể phù hợp với quy định
7.	Điểm h Khoản 2 Điều 11	Điều 11. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	Điều 11. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;	Thay đổi dẫn chiếu Điều 129 -> Điều 132 Luật Doanh nghiệp
8.	Khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24. và Điều 38.2; b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty	Bỏ Điểm a, bổ sung thêm quyền của cổ đông sở hữu từ 5% trở lên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020

9.	Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông		<p>Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	Bổ sung thêm quyền của nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên theo khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020
10.	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông		<p>Điều 12.</p> <p>3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải</p>	Bổ sung thêm khoản 3 theo quy định tại Khoản 2 Điều 119 Luật DN 2020

			cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
11.	4. Khoản 1 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	Bổ sung thêm thời hạn tối đa gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp
12.	5. Khoản 2 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu. Công ty có thể mời đại diện công	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược	Bổ sung thêm trường hợp phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan theo quy định tại Thông tư 116

		ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan	hoặc từ chối. Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty	
13.	6. Khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan	Thay đổi dẫn chiếu tại Điều lệ

7.	Khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p>	Thay đổi dẫn chiếu Luật DN
14.	Khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông		<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	Bổ sung thêm mục e khoản 4 theo Thông tư 116

16.	Khoản 1 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật DN 2020
17.	Khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty</p>	Sửa đổi theo quy định tại điều 138 Luật DN 2020; Thay đổi dẫn chiếu tại Điều lệ và sửa đổi giá trị tài sản theo quy định tại Điều 167 Luật DN 2020

			được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	
18.	Khoản 3 Điều 16 Thay đổi các quyền	Điều 16: Thay đổi các quyền 3.Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.	Điều 16 : Thay đổi các quyền 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18,19 và 20 Điều lệ này.	Thay đổi dẫn chiếu tại Điều lệ
19.	Khoản 2 Điều 18 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Điều 18 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; đ. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; g. Các công việc khác phục vụ đại hội.	Thay đổi bổ sung khoản a, đ,e, g theo thông tư 116
20.	Khoản 3 Điều 17	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty	Thay đổi bổ sung khoản 3 điều 18 theo thông tư 116

	<p>Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	
<p>21.</p>	<p>Khoản 4 Điều 17</p>	<p>Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước</p>	<p>Điều 18 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05</p>	<p>Thay đổi dẫn chiếu tại Điều lệ và sửa đổi theo thông tư 116</p>

	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	
22.	Khoản 5 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu;	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Thay đổi dẫn chiếu tại Điều lệ và sửa đổi, bổ sung theo thông tư 116
23.	Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Bổ sung khoản 7 điều 18 theo thông tư 116

	đồng cổ đông			
24.	Điều 22 Biên Bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Biên bản họp đại hội cổ đông	Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp đại hội cổ đông 5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung nội dung về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại thông tư 116
25.	Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:	Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;	Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy	Bổ sung thêm nhóm cổ đông theo quy định Điều 151 Luật DN 2020 và điều chỉnh lại câu chữ cho phù hợp.

			định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	
26.	Khoản 3 Điều 24 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	3 Điều 24 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	3 Điều 24 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	Bổ sung quy định về các trường hợp không đủ số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử theo quy định
27.	Điểm (i) Khoản 4 Điều 24 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	4. (i) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;	4. (i) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	Thay đổi dẫn chiếu phù hợp với quy định hiện hành

<p>28.</p>	<p>8.</p> <p>Khoản 1 Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định về nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 154 Luật DN 2020</p>
<p>29.</p>	<p>Điểm c Khoản 4 Điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2, 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p>	<p>Điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 138.2, 167.1, 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p>	<p>Thay đổi dẫn chiếu phù hợp với quy định hiện hành</p>

30.	Khoản 8 Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế	Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Bổ sung thêm trường họp triệu tập cuộc họp lần 02 khi không đủ số thành viên dự họp đợt 01 theo quy định tại Điều 157 Luật DN 2020
31.	Khoản 16 Điều 29	Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó	Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những	Bổ sung thêm quy định về số lượng thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị tối thiểu (Thông tư 116)

		<p>được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị</p>	
32.	<p>Khoản 1 Điều 30 Người Phụ trách Công ty</p>	<p>Điều 30 Người Phụ trách Công ty: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm</p>	<p>Điều 30 Người Phụ trách Công ty: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm</p>	<p>Bổ sung thêm chức vụ có thể đảm nhiệm đối với Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại điều 218 Nghị định 155/2020</p>

33.	Khoản 3 Điều 32 Người điều hành doanh nghiệp		<p>Điều 32 Người điều hành doanh nghiệp:</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Bổ sung thêm khoản 3 về quy định hoạch toán chi phí lương của người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 163 Luật DN 2020
34.	Khoản 1 Điều 38 Thành viên Ban Kiểm soát	<p>Điều 38 Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 38 Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	Bổ sung quy định về điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 286 Nghị định 155

35.	Khoản 1 Điều 39 Ban Kiểm soát	<p>Điều 39 Ban kiểm soát</p> <p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>Điều 39 Ban Kiểm soát</p> <p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 104 và Điều 105 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	Thay đổi dẫn chiếu phù hợp với quy định hiện hành
36.	Khoản 1 Điều 40 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<p>Điều 40 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ:</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Error! Reference source not found..2 và Error! Reference source not found..Error! Reference source not found. của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Điều 40 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ:</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Error! Reference source not found..2 và Error! Reference source not found..Error! Reference source not found. của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sao chụp sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu</p>	Bổ sung và làm rõ các tài liệu, nội dung nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần trở lên có quyền tra cứu, xem xét, trích lục, sao chụp (Thông tư 116)

			kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	
37.	Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	Bỏ điều 45 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Pháp luật hiện hành không có quy định bắt buộc phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
38.	Khoản 1 Điều 52 Con dấu	Điều 52 Con dấu 1.Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc tại cơ sở khắc dấu theo quy định của luật pháp	Điều 51 Con dấu 1.Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của luật pháp	Sửa lại số thứ tự Điều, bổ sung trường hợp chữ ký điện tử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----∞ ⊕ ∞-----

DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 14)

Trụ sở: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28.62874081

Fax: 84-28.62874071

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	10
CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	15
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	28
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty.....	31
CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
32	
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	32
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
Điều 34. Thư ký Công ty.....	34
CHƯƠNG IX : NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	34
Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	34
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
CHƯƠNG X : BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 39. Ban kiểm soát	37
CHƯƠNG XI : QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	39
CHƯƠNG XIII : PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	39
Điều 42. Cổ tức	39
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	40
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	Error! Bookmark not defined.

Điều 46. Năm tài khóa.....	40
Điều 47. Hệ thống kế toán.....	40
CHƯƠNG XV : BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	41
Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	41
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	41
Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	41
CHƯƠNG XVI : KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 51. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XVII : CON DẤU.....	42
Điều 52. Con dấu.....	42
CHƯƠNG XVIII : CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	42
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	42
Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	43
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 56. Thanh lý.....	43
CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	44
CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 59. Ngày hiệu lực	44
Điều 60. Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi là “Công ty”), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Công ty cổ phần Minh Hữu Liên thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tổ chức vào ngày tháng năm .

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

c. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là luật số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

d. “Công ty” hoặc “công ty Minh Hữu Liên” là Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên.

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 30/08/2007.

f. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con

g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán.

i. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán.

l. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**
- Tên tiếng Anh : **MINH HUU LIEN JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**
- Tên viết tắt: **MINH HỮU LIÊN JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : 19A Thích Minh Nguyệt, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 84-28.62874081
- Fax : 84-28.62874071
- E-mail :
- Website : <http://www.minhghuulien.com.vn>

4. Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 và Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế <i>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ</i>	3100
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ, kệ bằng kim loại</i>	3290
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết:</i> <ul style="list-style-type: none">- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn.- Giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy. <i>Chi tiết:</i> <ul style="list-style-type: none">- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện.	4659
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, ống thép, ống inox, thép tấm.</i>	4662
6	Sản xuất sắt, thép, gang (Không hoạt động tại trụ sở)	2410
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2599
8	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác.</i>	4641
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung hoặc thu hẹp các ngành nghề kinh doanh và đăng ký ngành, nghề theo quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 54.309.230.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm mươi bốn tỷ ba trăm lẻ chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.430.923 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc thay đổi vốn điều lệ phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể dùng cổ phiếu của Công ty để phục vụ mục đích khen thưởng.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi liên quan theo quy định pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản

trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ mà Hội đồng quản trị quy định vào thời điểm thu hồi kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi khác của công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24. và Điều 38.2;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty có thể mời

đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời có sự biểu quyết thông qua của cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

- d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp..

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo hình thức gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

(ii) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

(iii) Không tham gia thành viên Hội đồng quản trị, hoặc giữ các chức danh trong Ban Điều hành của các công ty khác được Hội đồng quản trị xác định là đối thủ cạnh tranh của Công ty;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- i. Bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- l. Sửa đổi Điều 6 về Vốn điều lệ của Công ty tại Điều lệ Công ty theo phần vốn thực góp tăng thêm sau mỗi đợt phát hành tăng vốn của Công ty.
- 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 138.2, 167.1, 167.3 điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên và phải thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

1. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

2. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

3. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

4. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Ban kiểm soát;
- e. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu

thuần hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 36.4a và Điều 36.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng Tiếng Anh và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

15. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh

nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và các Phó giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu

và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty và thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 27 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 34. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX : NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 35. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban

của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

5. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X : BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo

tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 104 và Điều 105 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

i. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI : QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 38.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc, tại địa điểm kinh doanh chính của công ty có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sao chụp sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ

đồng và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

CHƯƠNG XII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII : PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản

ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau, được áp dụng từ năm tài khóa 2011 (bắt đầu từ 01/01/2011 đến 30/09/2011). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV : BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của riêng công ty mẹ, Công ty còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng đã được soát xét và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI : KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII : CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII : CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3.1 Điều 27 Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên nhất trí thông qua ngày tháng năm 2022. Điều lệ công ty đã được thông qua trước ngày tháng năm 2022 hết hiệu lực và hủy bỏ các văn bản trước đây trái với quy định tại Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- Điều 59.** Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CTCP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05052022-05/TT-HĐQT.MHL

TP.HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm và bầu bổ sung

thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát CTCP Minh Hữu Liên

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Minh Hữu Liên;
- Nghị quyết HĐQT số 16032022.01/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 03 năm 2022; Nghị Quyết HĐQT số 29032022.02/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2022; Nghị quyết HĐQT số 12042022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 04 năm 2022;
- Đơn xin từ nhiệm của Ông Trần Tuấn Minh, Ông Lê Tấn Quốc, Ông Võ Quốc Toàn, Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân, Bà Hồ Thị Huỳnh Giao, Ông Huỳnh Trung Hiếu;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Minh Hữu Liên kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2024 như sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 đối với:

- Ông Trần Tuấn Minh, chủ tịch HĐQT;
- Ông Lê Tấn Quốc – Thành viên HĐQT;
- Ông Phạm Vĩnh Đức – Thành viên HĐQT
- Ông Võ Quốc Toàn - Thành viên HĐQT

2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024 đối với:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân – Trưởng Ban kiểm soát;
- Bà Hồ Thị Huỳnh Giao – Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát

3. Bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024 như sau:

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT: 04 người
- Số lượng bầu bổ sung thành viên BKS: 03 người
- Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS được tập hợp từ những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện Thành viên HĐQT, BKS và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu KTTC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN MINH